

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH
2 CỘNG HOÀ, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TP.HCM
MÃ CHỨNG KHOÁN: PTD - SÀN GIAO DỊCH: HNX



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2015

TP.HCM, NGÀY 28 THÁNG 03 NĂM 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

(Theo Phụ lục số 04 – Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH**

Năm báo cáo: **Năm 2015**

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302365984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 07/01/2008 và thay đổi lần thứ 7 ngày 24/10/2014
- Vốn điều lệ: 32.000.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 32.000.000.000 (Ba mươi hai tỷ đồng)
- Địa chỉ: 2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08 3811 6823
- Số fax: 08 3811 6843
- Website: www.phucthinh.com.vn
- Mã cổ phiếu: PTD

2. Quá trình hình thành và phát triển

- **Năm 2001:** Tiền thân của Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh là Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại Phúc Thịnh thành lập ngày 24 tháng 01 năm 2001 theo Giấy phép số 4102005808 do sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- **Năm 2008:** Trải qua 07 năm hoạt động và phát triển, ngày 07 tháng 01 năm 2008 Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ trách nhiệm hữu hạn sang cổ phần theo Giấy phép số 4103009001 do sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- **Năm 2009:** Công ty đăng ký và đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng ngày 27/05/2009.
- **Năm 2011:** Công ty đăng ký và đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận bằng Thông báo số 1177/TB-SGDHN ngày 30 tháng 12 năm 2010 về ngày giao dịch chính thức của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh trên thị trường UpCOM là ngày 14 tháng 01 năm 2011. Với số lượng cổ phiếu đăng ký lưu hành trên thị trường là 1.000.000 cổ phiếu.
- **Năm 2012:** Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh đã được Bộ kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 567/BKHĐT-ĐTRNN ngày 12/11/2012.
- **Năm 2014:**

- Ngày 11/07/2014: Phát hành thành công cổ phiếu thường 1:1 cho các cổ đông hiện hữu, nâng số cổ phiếu giao dịch trên thị trường từ 1.000.000 cổ phiếu thành 2.000.000 cổ phiếu;
 - Ngày 16/09/2014: Phát hành thành công 1.200.000 cổ phiếu cho nhà đầu tư riêng lẻ và cho người lao động. Nâng tổng số cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường là 3.200.000 cổ phiếu.
 - Ngày 24/10/2014: Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302365984 thay đổi lần thứ 7 ngày 24/10/2014 với vốn điều lệ là 32.000.000.000 VND (Ba mươi hai tỷ đồng)
- **Năm 2015:**
- Ngày 29/10/2015 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có quyết định số 701/QĐ-SGDHN và cấp Giấy Chứng Nhận Niêm Yết về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh trên sàn HNX;
 - Ngày 10/11/2015 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh đã được giao dịch lần đầu tiên trên sàn HNX. Mở ra một thời kỳ mới cho Cổ phiếu PTĐ.

- **Quá trình tăng vốn:**

STT	Năm	VĐL thực góp (VND)	Hình thức tăng vốn
1	2008	7.000.000.000	Vốn thực góp tính đến thời điểm 07/01/2008
2	2008	10.000.000.000	Phát hành 300.000 cổ phiếu vào ngày 09/06/2008
3	2014	20.000.000.000	Phát hành 1.000.000 cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
4	2014	32.000.000.000	Phát hành 48.800 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động ESOP và 1.151.200 cổ phiếu phát hành riêng lẻ

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:**

- Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng và công nghiệp; Công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, xử lý môi trường.
- Lắp đặt hệ thống cơ – điện – lạnh
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giám sát công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn xây dựng.
- Chuyên kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu: sắt, thép, kết cấu xây dựng, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, vật tư – máy móc – thiết bị - phụ tùng thay thế, dây chuyền công nghệ ngành xây dựng; máy móc thiết bị xây dựng.

- **Địa bàn kinh doanh:**

- Hiện nay các công trình do PTD thi công tập trung ở miền Nam;
- Từ năm 2012, PTD mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh ra phạm vi khu vực Đông Nam Á; thi công công trình tại Cambodia; thành lập Công ty con tại Cambodia và sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động đến các nước khác trong khu vực.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị:

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, quyết định các vấn đề về tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, bổ sung và sửa đổi Điều lệ của công ty,... theo quy định của Điều lệ. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và quyết định bộ máy tổ chức của công ty.

Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ). HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc (TGD) điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. BKS có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban TGD.

Tổng Giám Đốc:

Tổng Giám Đốc điều hành Công ty là người Đại diện của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. TGD điều hành Công ty do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. TGD điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phó Tổng Giám Đốc:

Các Phó TGD điều hành Công ty giúp việc cho TGD điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và uỷ quyền của TGD điều hành, chịu trách nhiệm trước TGD điều hành Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền.

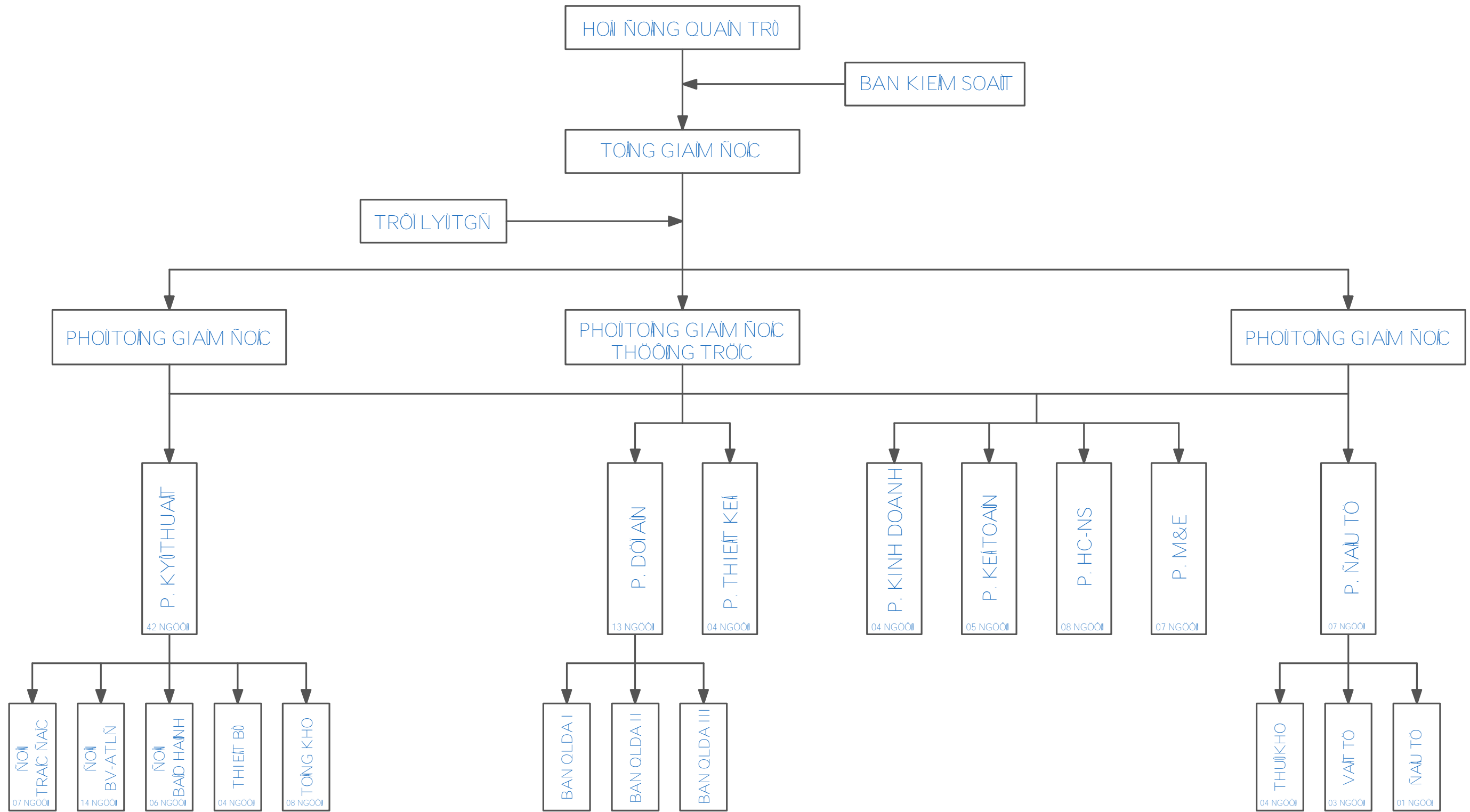
Các phòng chức năng:

Do HĐQT thành lập trên cơ sở đề nghị của TGD điều hành, các phòng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho TGD điều hành các công việc thuộc phạm vi chức năng của phòng đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty.

Các đội xây lắp trực thuộc:

Công ty không có đội xây lắp trực thuộc, phần lớn Công ty giao khoán cho các đội độc lập bên ngoài.

SỔ SÁCH TỔ CHỨC



Các công ty con, công ty trực thuộc:

PHUC THINH (CAMBODIA) CORPORATION

Địa chỉ: National No1 Way, BavetKangdal Village, Sangkat Bavet, Bavet City, Svay Rieng Province, Cambodia.

Ngành nghề hoạt động chính: Thiết kế, xây dựng công trình dân dụng, thương mại và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị và công cụ, dụng cụ ngành xây dựng.

Số vốn góp của Công ty Phúc Thịnh (PTD): 6.270.000.000 đồng, Tỷ lệ vốn góp: 60%

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Hoạt động thi công xây lắp: Tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi. Tiếp tục gia tăng giá trị dịch vụ, cụ thể là mô hình dịch tổng thầu, thiết kế và thi công. Từng bước tiếp cận thi công công trình cơ sở hạ tầng, công trình năng lượng bằng việc hợp tác liên doanh, liên kết với các nhà thầu trong và ngoài nước có kinh nghiệm về lĩnh vực này.
- Công tác phát triển kinh doanh: Mở rộng thị trường hiện có trong nước và phát triển thị trường khu vực nước ngoài. Chuẩn hóa mô hình hoạt động của các văn phòng đại diện chi nhánh trong và ngoài nước. Đẩy mạnh phát triển thương hiệu, tăng cường công tác tìm việc, bên cạnh việc giữ mối quan hệ với khách hàng hiện hữu sẽ tìm thêm nhiều kênh và đầu mối thông tin để tiếp cận khách hàng.
- Bằng các hoạt động cụ thể, duy trì sản lượng xây lắp ở mức tăng trưởng ổn định từ 15 – 20%/năm. Năm 2015, thực hiện xây lắp đạt 434 tỷ đồng, năm 2016 PTD phấn đấu là 500 tỷ đồng.
- Lĩnh vực đầu tư ra nước ngoài (xuất nhập khẩu nguyên vật liệu xây dựng): PTD sẽ tiếp tục đầu tư ra nước ngoài mà điển hình là nước CAMBODIA và các nước lân cận khác. Trong năm 2015, PTD đã xuất khẩu nguyên vật liệu xây dựng đạt giá trị là 46 tỷ đồng, trong hai năm tới giá trị xuất khẩu sẽ đạt ra mục tiêu đạt 50 tỷ đồng.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Trong giai đoạn 2015 – 2020: Tiếp tục thực hiện chủ trương củng cố và duy trì hoạt động xây lắp, từng bước chuyển hoá sang lĩnh vực đầu tư, phù hợp với mục tiêu chung của Công ty.
- Chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục sắp xếp, củng cố và nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức, tác phong và lễ lối làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên, lấy đó làm nền tảng cho kế hoạch phát triển dài hạn của đơn vị.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Đối với cộng đồng: Với tinh thần hướng tới cộng đồng, PTD luôn mong muốn mang lại nhiều lợi ích cho Chủ Đầu Tư nhưng chủ yếu là các công nhân làm việc trong khu công

nghiệp mà PTD xây dựng với tinh thần làm việc thật thoải mái trong công trình xây dựng của PTD.

- Đối với nhân viên: PTD là một doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực xây dựng nhà xưởng khu công nghiệp. Với chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, chúng tôi là một trong những công ty tạo được một môi trường làm việc tốt với tác phong chuyên nghiệp. PTD luôn tạo công ăn việc làm ổn định cho hàng trăm cán bộ công nhân viên cũng như hàng trăm lao động trong lĩnh vực xây dựng.
- Đối với môi trường: PTD luôn hướng tới đến các mục tiêu tạo ra sản phẩm thân thiện với môi trường. Tại các dự án PTD xây dựng phong cách thiết kế luôn hướng tới thiên nhiên. Tư vấn cho các nhà đầu tư xử lý nước thải theo tiêu chuẩn của nhà nước. Hướng tới một môi trường xanh – sạch – đẹp.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro về kinh tế:

a. Rủi ro tăng trưởng kinh tế

- Nhìn chung, kinh tế vĩ mô đã có sự tăng trưởng ổn định, lạm phát thấp, cơ cấu nền kinh tế tiếp tục có sự chuyển biến tích cực, tình hình kinh tế - xã hội cả nước năm 2015 đạt nhiều kết quả khả quan hơn các năm trước. Theo tổng cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,5%, cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm 2011 – 2014, điều này cho thấy sự phục hồi rõ nét của nền kinh tế.
- Năm 2016 là năm đầu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (giai đoạn 2016 – 2020), theo dự báo mới nhất của Ngân hàng Thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam dự kiến đạt 6,6% và theo mục tiêu kế hoạch của Chính phủ là 6,7%, tỷ lệ lạm phát được dự báo tiếp tục nằm ở mức thấp. Tuy nhiên, Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro và khó khăn do quá trình tái cơ cấu còn chậm, tỷ lệ nợ xấu chưa được xử lý triệt để dù nằm dưới mức 3% theo báo cáo của chính phủ. Trước tình hình đó, nhằm hạn chế tác động từ những bất ổn của nền kinh tế, PTD đề ra những chiến lược kinh doanh thận trọng, đi kèm các phương án kinh doanh dự phòng nhằm ứng phó kịp thời với sự thay đổi của nền kinh tế.

b. Rủi ro về biến động lãi suất

- Theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước, mặt bằng lãi suất năm 2015 giảm 0,2% - 0,5%/năm so với năm 2014 nhờ những giải pháp điều hành tiền tệ đồng bộ của NHNN, qua đó hỗ trợ tích cực cho tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Với đặc điểm hoạt động là dịch vụ xây lắp nên Công ty sử dụng khá nhiều vốn vay ngân hàng. Tuy nhiên, PTD là doanh nghiệp được các ngân hàng xếp hạng tín nhiệm cao, khả năng

tài chính tốt nên luôn được vay với mức lãi suất phù hợp và ổn định. Ngoài ra, Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường tiền tệ, dự báo tình hình kinh tế trong nước và quốc tế nhằm sử dụng đòn bẩy tài chính phù hợp, hạn chế ảnh hưởng lãi suất đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước, mặt bằng lãi suất cho vay bằng VND ổn định trong năm 2015 và dự báo không biến động nhiều trong năm 2016.

c. Rủi ro về biến động giá

- Năm 2015 là một năm có nhiều biến động về tỷ giá do USD tăng giá, nguyên nhân bắt đầu nguồn từ sự kỳ vọng Cục Dự Trữ liên bang Mỹ (FED) điều chỉnh tăng lãi suất. Bên cạnh đó, việc Trung Quốc bất ngờ phá giá đồng Nhân dân tệ đã kéo theo làn sóng giảm giá mạnh của các đồng tiền vốn là các đối tác thương mại chính của Việt Nam.
- Nhằm tránh những tác động bất lợi đến nền kinh tế, trong năm 2015 NHNN đã thực hiện điều chỉnh tăng tỷ giá 3% và nới biên độ thêm 2% từ mức +/- 1% lên +/- 3%. Theo tổng cục thống kê, tỷ giá USD bình quân tăng 3,16% so với năm 2014. Mặc dù ít nhập khẩu trực tiếp nhưng việc biến động tỷ giá cũng ảnh hưởng nhiều đến chi phí vật tư/thiết bị (luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty), vì vậy Công ty luôn chú trọng trong việc tìm kiếm đối tác, lên kế hoạch mua hàng và sử dụng đồng tiền thanh toán phù hợp để giảm thiểu tác động đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

6.2 Rủi ro về luật pháp:

Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện. Theo đó, việc vận dụng pháp luật vào thực tế còn gặp nhiều khó khăn khi chưa có sự thống nhất, đồng bộ và chưa có sự hướng dẫn rõ ràng. Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, đã niêm yết cổ phiếu nên sự thay đổi về mặt chính sách đều gây ra những ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty thành lập bộ phận riêng biệt theo dõi các thay đổi về chính sách nhằm điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó.

6.3 Rủi ro khác:

Bên cạnh các rủi ro ở trên, hoạt động của Công ty còn chịu những rủi ro khác như thiên tai, chiến tranh, khủng bố, v.v... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khả năng ít xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có ảnh hưởng tiêu cực không thể lường trước đối với tình hình hoạt động của Công ty.

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động SXKD của Công ty PTD năm 2015 (Công ty mẹ)

DVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2015	KẾ HOẠCH 2015	ĐÁNH GIÁ
1	Tổng doanh thu	486.837	388.000	Vượt 25%
2	Lợi nhuận trước thuế	16.852	8.475	Vượt 99%
3	Lợi nhuận sau thuế	13.006	6.611	Vượt 97%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu	27%	14,55%	Vượt 86%

b. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 (hợp nhất)

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2015	KẾ HOẠCH 2015	ĐÁNH GIÁ
1	Tổng doanh thu	501.521	400.000	Vượt 25%
2	Lợi nhuận trước thuế	17.678	10.364	Vượt 71%
3	Lợi nhuận sau thuế	13.575	8.084	Vượt 68%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu	26%	15%	Vượt 73%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành tính đến ngày 15/03/2016:

STT	Họ và tên	I sinh	Địa chỉ	Nghề nghiệp	Thời điểm 15/03/2016	
					Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
A	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Tô Khải Đạt	1957	57 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đakao, Quận I, Tp. HCM	Chủ tịch HĐQT	760.000	23.75%
2	Bùi Quang Huân	1973	G4-20 Khu định cư Tân Qui Đông, Đường 36, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.	Thành viên HĐQT tham gia	384.000	12%

			HCM	điều hành		
3	Hồ Thanh Đức	1964	118 Thủ Khoa Huân, Phường 1, Thị xã Tân An, Long An	Thành viên HĐQT tham gia điều hành	160.000	5%
4	Trần Minh Trúc	1973	755 Nguyễn Xiển, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TP. HCM	Thành viên HĐQT tham gia điều hành	160.000	5%
6	Yang, Pei – Long	1955	7F-2, 627, Lin Sheng N. Rd., Taipei Taiwan R.O.C	Thành viên HĐQT không tham gia điều hành	20.000	0,625%
B	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC					
1	Tô Khải Đạt	1957	57 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đakao, Quận I, Tp. HCM	Tổng Giám Đốc	760.000	23.75%
2	Bùi Quang Huân	1973	G4-20 Khu định cư Tân Qui Đông, Đường 36, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. HCM	Phó Tổng Giám Đốc	384.000	12%
3	Trần Minh Trúc	1964	118 Thủ Khoa Huân, Phường 1, Thị xã Tân An, Long An	Phó Tổng Giám Đốc	160.000	5%
4	Hồ Thanh Đức	1973	755 Nguyễn Xiển, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TP. HCM	Phó Tổng Giám Đốc	160.000	5%
C	KẾ TOÁN TRƯỞNG					
1	Nguyễn Hoàng Vũ	1977	Mỹ Tân, Mỹ Luông, Chợ Mới, An Giang	Kế toán trưởng	38.000	1.19%
D	BAN KIỂM SOÁT					
1	Dương Thị Ngọc Thùy	1984	6/8 Đường 15, KP3, P. Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức	Trưởng BKS	2.400	0.075%

2	Hoàng Trường Giang	1968	13C3 KP3A, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM	Thành viên BKS	6.000	0.19%
3	Trần Ngọc Tú	1976	12A Đường Tân Thới Nhất 2, KP 7, Tổ 78, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM	Thành viên BKS	4.000	0.13%

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
1	Yang, Pei – Long	Chưa lưu ký	Thành viên HĐQT	309773074	12/08/2014	Đài Loan	7F-2, 627, Lin Sheng N. Rd., Taipei Taiwan R.O.C	11/04/2015		Theo NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2015 ngày 11/04/2015
2	Dương Thị Ngọc Thùy	Chưa lưu ký	Trưởng Ban Kiểm soát	023834216	22/08/2000	TP.HCM	6/8 Đường 15, KP3, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, TP.HCM	11/04/2015		Theo NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2015 ngày 11/04/2015
3	Phan Thị Ninh	079C004750	Trưởng Ban Kiểm soát	024733497	05/06/2007	TP.HCM	13/4B Đường Thống Nhất, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP.HCM		11/04/2015	Theo TTr số 04/TTr HĐQT-2015 ngày 11/04/2015

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên ký hợp đồng trực tiếp với PTĐ: 108 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không phát sinh
- b) Các công ty con, công ty liên kết:

PHUC THINH (CAMBODIA) CORPORATION:

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014	% tăng (+), giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	16.761	18.005	(-) 7%
Doanh thu thuần	18.727	51.695	(-) 64%
Lợi nhuận trước thuế	507	1.004	(-) 50%
Lợi nhuận sau thuế	320	487	(-) 34%

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2014	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	162.477	125.135	(+) 30%
Doanh thu thuần	501.521	450.678	(+) 11%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.824	12.032	(+) 48%
Lợi nhuận khác	(145)	282	(-) 151%
Lợi nhuận trước thuế	17.678	12.314	(+) 44%
Lợi nhuận sau thuế	13.575	9.271	(+) 46%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%	-

– Các chỉ tiêu khác: không phát sinh

- b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2015	NĂM 2014	GHI CHÚ
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,36	1,63	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-HTK)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,67	1,33	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,57	0,50	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,35	0,99	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	10,99	10,97	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	3,09	3,60	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,71	2,06	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	21,61	27,80	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9,44	7,34	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,55	2,67	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- + Số lượng cổ phần đang lưu hành: 3.200.000 cổ phần
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.151.200 cổ phần
- + Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 48.800 cổ phần hạn chế chuyển nhượng 02 năm kể từ ngày 16/09/2014.

b) Cơ cấu cổ đông:

- + Tổng số cổ phần: 3.200.000 cổ phần
- + Tổng số cổ đông theo danh sách chốt ngày 15/03/2016 của Trung tâm lưu ký chứng khoán là 159 cổ đông.

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
1	Lớn	1.889.893	59,06%
2	Nhỏ	1.310.107	40,94%
3	Tổ chức	74.000	2,31%
4	Cá nhân	3.126.000	97,69%
5	Trong nước	725.377	22,67%
6	Nước ngoài	2.474.623	77,33%
7	TỔNG SỐ	3.200.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

STT	Năm	VĐL thực góp (VNĐ)	Hình thức tăng vốn
1	2008	7.000.000.000	Vốn thực góp tính đến thời điểm 07/01/2008
2	2008	10.000.000.000	Phát hành 300.000 cổ phiếu vào ngày 09/06/2008
3	2014	20.000.000.000	Phát hành 1.000.000 cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
4	2014	32.000.000.000	Phát hành 48.800 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động ESOP và 1.151.200 cổ phiếu phát hành riêng lẻ

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ năm 2014: *không phát sinh*

e) Các chứng khoán khác năm 2014: *không phát sinh*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành công trình. Giá cả nguyên liệu ảnh hưởng lớn đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Do đó, trong năm 2015 Công ty có những biện pháp để quản lý và sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu đầu vào dùng trong xây lắp để đạt được hiệu quả cao nhất.

6.2 Tiêu thụ năng lượng: PTD đã ứng dụng công nghệ thiết kế tiên tiến nhằm đưa đến giải pháp tiết kiệm năng lượng cho khách hàng. Tư vấn khách hàng sử dụng các thiết bị, công nghệ gần gũi và thân thiện với môi trường.

6.3 Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường: Công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Các công trình mà công ty xây dựng đều có hướng xử lý nước thải, trồng nhiều cây xanh và luôn hướng tới tiêu chí an toàn cho môi trường và tầng ôzôn.

6.4 Chính sách liên quan đến người lao động:

Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo loại hợp đồng	320	100
- Không xác định thời hạn	90	28
- Xác định thời hạn	230	72
Theo giới tính	320	100
- Nam	276	86
- Nữ	44	14
Theo tính chất lao động	320	100
- Lao động trực tiếp	230	28
- Lao động gián tiếp	90	72

Chính sách đối với người lao động:

Nguồn nhân lực là tài sản quý nhất của PTD, là nền tảng để Công ty đạt được thành tựu như hiện nay và tiếp tục phát triển trong tương lai.

Chúng tôi không ngừng nỗ lực để PTD trở thành nơi làm việc tốt nhất và mọi nhân viên có thể đạt được mục tiêu nghề nghiệp của mình tại đây.

Chính sách tuyển dụng:

Dám ước mơ, dám thực hiện, dám nói và dám làm. Người có tài phải đi kèm có đức. Đây là những tiêu chí mà chính sách tuyển dụng được đưa ra hàng đầu khi lựa chọn ứng viên. Ngoài ra, ứng viên được lựa chọn phải có tố chất, kiến thức và kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu công việc và chúng tôi bảo đảm rằng mọi người đều có cơ hội ngang nhau.

Môi trường làm việc:

Môi trường làm việc của công ty hướng đến sự chuyên nghiệp, dân chủ, ứng xử văn minh, thân thiện, cạnh tranh nhưng hợp tác; đồng nghiệp là những người giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm và các chuyên gia nước ngoài.

Chế độ lao động:

Công ty thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần; các chế độ làm thêm giờ, nghỉ lễ, phép, nghỉ khác,... tuân thủ theo quy định của nhà nước.

Nhân viên được trang bị máy tính để bàn, điện thoại bàn, văn phòng phẩm, account email; tùy theo vị trí công việc nhân viên còn được trang bị máy tính xách tay, máy tính bảng, ...

Chính sách thăng tiến

Tại công ty nhân viên giỏi có thể tự quyết định sự nghiệp và con đường phát triển nghề nghiệp của mình.

Những người có khác vọng, hoài bão, tinh thần vượt khó và ý định vươn lên có nhiều cơ hội được đề cử vào các vị trí quản lý chủ chốt của Công ty.

Chính sách đánh giá thành tích nhân viên:

Việc đánh giá thành tích nhân viên được thực hiện định kỳ và theo tiêu chí:

- Kết quả công việc
- Kỹ năng
- Thái độ

Thông qua đánh giá thành tích, cấp quản lý nhận diện được những nhân viên tiềm năng để đưa vào quy hoạch đội ngũ kế thừa, đồng thời lập kế hoạch đào tạo nhân viên. Đây cũng là cơ sở để xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp.

Chính sách đào tạo và phát triển:

Đào tạo và phát triển nhân viên luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty nhằm nâng cao năng lực cá nhân của nhân viên, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong tương lai.

Công ty luôn khuyến khích nhân viên chủ động đề xuất với Phòng nhân sự và cấp quản lý để được chuyển sang làm công việc khác và/hoặc bộ phận khác thấy thích thú hoặc phù hợp hơn với công việc/bộ phận đó.

Chính sách thâm niên:

Nhân viên làm việc liên tục tại Công ty từ năm thứ năm trở đi được hưởng chế độ thâm niên và nhiều chế độ ưu đãi khác.

Chính sách khen thưởng:

Công ty có các hình thức khen thưởng sau:

- Lương tháng 13
- Thưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh theo đóng góp của nhân viên
- Thưởng đột xuất cho nhân viên khi đạt được các thành tích xuất sắc

Chính sách phúc lợi:

Nổi bật tại Công ty là chính sách phúc lợi khá toàn diện. Nhân viên Công ty được hưởng các chế độ phúc lợi sau đây (bằng hiện kim hoặc quà tặng có giá trị):

- Du lịch nghỉ mát hàng năm (trong hoặc ngoài nước);
- Mừng sinh nhật, kết hôn, quốc tế phụ nữ 8/3, quốc tế thiếu nhi 1/6 và khen thưởng con nhân viên có thành tích học tập tốt;

- Thăm hỏi nhân viên khi ốm đau, sinh nở, tai nạn, tang gia;
- Trợ cấp khó khăn đột xuất cho nhân viên khi gặp khó khăn, hoạn nạn trong cuộc sống;
- Thành lập đội bóng đá, cầu lông cho các nhân viên chơi thể thao rèn luyện sức khỏe

Chính sách bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe:

Ngoài chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nhân viên theo quy định của Nhà nước. Nhân viên của Công ty còn được hưởng các chế độ bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe sau đây:

- Khám sức khỏe và xét nghiệm kiểm tra bệnh tật định kỳ mỗi năm/lần tại các cơ sở y tế có uy tín;
- Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn 24/24h
- Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

PTD hiện là thành viên của các Hội:

- Hiệp hội xây dựng Thành Phố
- Hiệp hội Xây dựng Đà Thương
- Hiệp hội doanh nghiệp Quận Tân Bình

PTD đã nhận được nhiều Giấy khen về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế từ Quận Tân Bình và Chi cục thuế các Tỉnh mà PTD có công trình xây dựng.

6.5 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Không phát sinh.

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

(Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động SXKD năm 2014 hợp nhất

DVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2015	KẾ HOẠCH 2015	ĐÁNH GIÁ
1	Tổng doanh thu	501.521	400.000	Vượt 25%
2	Lợi nhuận trước thuế	17.678	10.364	Vượt 71%
3	Lợi nhuận sau thuế	13.575	8.084	Vượt 68%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu	26%	15%	Vượt 73%

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 tài sản ngắn hạn tăng 25,4 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 25% đồng thời tổng giá trị tài sản cũng tăng lên 37,34 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 29,84%. Tài sản ngắn hạn tăng do hàng tồn kho, tài sản cố định tăng lên đáng kể.

b) Tình hình nợ phải trả

- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2015 là 1,36 > 1 cho thấy khả năng trả nợ ngắn hạn của doanh nghiệp là an toàn.
- Hệ số nợ trên tổng tài sản năm 2015 là 57% tăng 7% so với năm 2014, cho thấy tổng tài sản của Công ty hoàn toàn có khả năng bù đắp cho các khoản nợ.
- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2015 là 1,35 lần tăng 0,36 lần so với năm 2014.
- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hoàn toàn có lợi vì chênh lệch hầu như là các khoản phải thu của nước ngoài chuyển về cụ thể là của các công trình từ Cambodia.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: *Không phát sinh*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục phát triển lĩnh vực thi công, xây lắp và xuất nhập khẩu
- Mở rộng quy mô kinh doanh
 - + Đẩy mạnh hơn nữa việc đầu tư ra nước ngoài

- + Khai thác các ngành nghề khác đã đăng ký trên Giấy phép kinh doanh
- Thực hiện tốt hơn nữa chính sách chăm sóc khách hàng
- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp và chủ động tránh các rủi ro có thể xảy ra.
- Nâng cao năng lực quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008
- Quan tâm và chăm sóc đời sống của cán bộ công nhân viên.
- Thực hiện xây dựng trụ sở công ty tại địa chỉ 4/1 Hoàng Việt, phường 4, quận Tân Bình, Tp. HCM

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Ý kiến kiểm toán viên là chấp thuận toàn phần

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- **Quản lý nguồn nguyên vật liệu:** Nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành công trình. Giá cả nguyên liệu ảnh hưởng lớn đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Do đó, trong năm 2015 Công ty có những biện pháp để quản lý và sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu đầu vào dùng trong xây lắp để đạt được hiệu quả cao nhất.
- **Tiêu thụ năng lượng:** PTD đã ứng dụng công nghệ thiết kế tiên tiến nhằm đưa đến giải pháp tiết kiệm năng lượng cho khách hàng. Tư vấn khách hàng sử dụng các thiết bị, công nghệ gần gũi và thân thiện với môi trường.
- **Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường:** Công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Các công trình mà công ty xây dựng đều có hướng xử lý nước thải, trồng nhiều cây xanh và luôn hướng tới tiêu chí an toàn cho môi trường và tầng ôzon.

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Theo đánh giá của HĐQT, năm 2015 là một năm đầy sóng gió của nền kinh tế Việt Nam với tốc độ tăng trưởng chậm, lạm phát được kiềm chế nhưng thị trường sản xuất đình trệ vì thiếu vốn, hàng tồn kho tăng cao, thị trường tài chính chứng khoán âm ảm và thị trường bất động sản thì gần như đóng băng... Cũng như các doanh nghiệp khác, trong năm qua, PTD đã phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thử thách để vượt qua khủng hoảng và tiếp tục phát triển... Tuy nhiên, với nền tảng kinh nghiệm vững chắc, uy tín thương hiệu tốt, đồng thời với sự nỗ lực hết mình của tập thể lãnh đạo và CBCNV, Công ty đã có một năm hoạt động được đánh giá là thành công về mặt đầu tư, kinh doanh cũng như quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2015, Công ty đã đạt tổng doanh thu hơn 500 tỷ và lợi nhuận trước thuế đạt hơn 17,68 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty đã đạt thành tích xuất sắc khi đầu tư ra nước ngoài (Cambodia) với doanh thu xuất khẩu hơn 45 tỷ đồng. Công ty cũng đạt được những tiến bộ vượt bậc về khả năng quản lý điều hành chuyên nghiệp để triển khai nhanh các dự án của Công ty. Với những thành tựu của năm qua, có thể nói đẳng cấp và giá trị thương hiệu của PTD đã được khẳng định đáng kể trên thị trường Việt Nam

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị cũng kiêm nhiệm luôn Ban Giám Đốc điều hành Công ty. Nên các kế hoạch sản xuất kinh doanh luôn được Ban Tổng Giám Đốc đặt ra hàng đầu để thực hiện.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục phát triển lĩnh vực thi công
- Mở rộng quy mô kinh doanh
 - + Đẩy mạnh hơn nữa việc đầu tư ra nước ngoài
 - + Khai thác các ngành nghề khác đã đăng ký trên Giấy phép kinh doanh
- Thực hiện tốt hơn nữa chính sách chăm sóc khách hàng
- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp và chủ động tránh các rủi ro có thể xảy ra.
- Nâng cao năng lực quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008
- Quan tâm và chăm sóc đời sống của cán bộ công nhân viên.
- Thực hiện xây dựng trụ sở công ty tại địa chỉ 4/1 Hoàng Việt, phường 4, quận Tân Bình, Tp. HCM

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

Họ và tên	Chức vụ	Nghề nghiệp	Thời điểm 15/03/2016	
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Tô Khải Đạt	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc	Quản lý cấp cao	760.000	23.75%
Bùi Quang Huân	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám Đốc	Kiến trúc sư	384.000	12%
Hồ Thanh Đức	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám Đốc	Quản lý cấp cao	160.000	5%
Trần Minh Trúc	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám Đốc	Kỹ sư xây dựng	160.000	5%
Yang, Pei – Long	Thành viên HĐQT không tham gia điều hành	Quản lý cấp cao	20.000	0,625%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : Ban HĐQT kiêm Ban Tổng Giám Đốc nên các phòng ban đều dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám Đốc.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị : đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

STT	NỘI DUNG CUỘC HỌP	KẾT QUẢ THÀNH VIÊN THÔNG QUA	NGÀY THÁNG NĂM
1	Thanh lý TSCĐ - Xe Ford	100%	09/04/2015
2	Biên bản họp vay Ngân hàng MB Bank	100%	08/05/2015
3	Quy trình Công bố thông tin trên HNX	100%	15/05/2015
4	Thanh lý CCDC – Ván ép	100%	22/12/2015

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Giám sát các tình hình chia cổ tức của Công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: *Không có*

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	CHUYÊN MÔN	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU
1	Dương Thị Ngọc Thùy	1984	Trưởng ban	Kế toán	2.400
2	Hoàng Trường Giang	1968	Thành viên	Kỹ sư xây dựng	6.000
3	Trần Ngọc Tú	1976	Thành viên	Quản lý thiết bị	4.000

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Với số lượng 3 thành viên, trong năm 2015 Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động đã được Đại Hội Cổ đông thông qua.

- Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp định kỳ với Ban Giám Đốc, giám sát và kiểm tra kết quả hoạt động, điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty, góp phần làm cho hoạt động SXKD được minh bạch, lành mạnh.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty. Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ban kiểm soát tiếp cận và kiểm tra tính sát thực tình hình tài chính và các mặt hoạt động của Công ty.
- Định kỳ hàng quý Ban kiểm soát tiến hành họp để kiểm điểm, đánh giá công việc thực hiện, phối hợp cùng HĐQT, Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các NQ ĐHCĐ, NQ của HĐQT hoàn thành các nhiệm vụ đề ra.
- Thực hiện việc kiểm tra định kỳ tại các Công ty con, Công ty phụ thuộc, từ đó giúp Ban điều hành Công ty mẹ nắm bắt được tình hình hoạt động tại các Công ty con, đánh giá được năng lực hoạt động và khả năng điều hành của bộ máy lãnh đạo.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

DVT: triệu đồng

STT	Họ và tên	Nghề nghiệp	CÁC KHOẢN LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC
A HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Tô Khải Đạt	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	777.582.000
2	Bùi Quang Huân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	557.839.000
3	Hồ Thanh Đức	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	523.956.000
4	Trần Minh Trúc	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	524.951.000
5	Yang, Pei – Long	Thành viên HĐQT không tham gia điều hành	-
B BAN KIỂM SOÁT			
1	Dương Thị Ngọc Thùy	Trưởng BKS	187.756.000
2	Hoàng Trường Giang	Ủy viên BKS	-
3	Trần Ngọc Tú	Ủy viên BKS	204.884.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: *Không phát sinh*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: *Không phát sinh*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty luôn thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**Báo cáo tài chính hợp nhất
đã được kiểm toán**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH VÀ CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, TP.Hồ Chí Minh-Tel: (84.8)38205944 fax: (84.8)38205942

E-mail:infor@aascs.com.vn Website:www.aascs.com.vn

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 47

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công Ty Cổ Phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thương Mại Phúc Thịnh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102005808 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2001.

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh đăng ký kinh doanh lần đầu tại ngày 07 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; đăng ký thay đổi lần thứ bảy vào ngày 24 tháng 10 năm 2014.

Trụ sở chính : 2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ : 32.000.000.000 VND (Ba mươi hai tỷ đồng).

Vốn pháp định : 6.000.000.000 VND (Sáu tỷ đồng).

Mã chứng khoán giao dịch **PTD**. Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 701/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 10 năm 2015.

2. Lĩnh vực Kinh doanh

Thiết Kế, Xây Dựng, Thương Mại và Kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng nhà các loại; San lấp mặt bằng; Sửa chữa máy móc, thiết bị xây dựng; Xây dựng cầu đường; Sửa chữa và trang trí nội thất; Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình thủy; Sửa chữa, bảo trì đồ điện; Đại lý; Thi công hệ thống cơ điện, phòng cháy chữa cháy; Thi công hệ thống cấp thoát nước; Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Bán buôn sắt, thép; Sản xuất, lắp đặt khung, kèo thép; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31/12/2015 cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng Quản trị

Ông Tô Khải Đạt	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Quang Huân	Thành viên HĐQT
Ông Hồ Thanh Đức	Thành viên HĐQT
Ông Trần Minh Trúc	Thành viên HĐQT
Ông Yang, Pei-Long	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám Đốc

Ông Tô Khải Đạt	Tổng Giám Đốc
Ông Bùi Quang Huân	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Hồ Thanh Đức	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trần Minh Trúc	Phó Tổng Giám Đốc

Ban Kiểm soát

Bà Dương Thị Ngọc Thùy	Trưởng ban
Ông Trần Ngọc Tú	Thành viên
Ông Hoàng Trường Giang	Thành viên

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Kế toán trưởng
---------------------	----------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán áp dụng, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015.

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT



Tô Khải Đạt

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Tô Khải Đạt

Số : 79A...../BCKT/TC/2015/AASCS**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 12 năm 2015, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở công tác kiểm toán của chúng tôi.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Phó Tổng Giám đốc****LÊ VĂN TUẤN**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2013-142-1

Kiểm toán viên**NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1091-2013-142-1

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		126.605.639.139	101.238.459.592
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.243.176.385	18.139.656.508
1. Tiền	111	V.1	5.881.038.001	11.200.723.646
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.362.138.384	6.938.932.862
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.213.686.412	50.004.963.885
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	15.394.416.898	18.580.527.166
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.340.703.983	28.927.982.829
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	6.478.565.531	2.496.453.890
IV. Hàng tồn kho	140		63.897.132.095	18.608.199.670
1. Hàng tồn kho	141	V.6	63.897.132.095	18.608.199.670
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.251.644.247	14.485.639.529
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	22.251.644.247	14.485.639.529
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.10		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.871.486.594	23.896.731.377
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		878.981.622	6.304.400.831
5. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	878.981.622	6.304.400.831
II. Tài sản cố định	220		33.067.068.665	13.299.681.101
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	31.490.483.305	13.299.681.101
- Nguyên giá	222		39.114.213.246	17.018.791.831
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.623.729.941)	(3.719.110.730)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.576.585.360	
- Nguyên giá	228		1.582.813.120	18.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6.227.760)	(18.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		50.000.000	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		50.000.000	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.875.436.307	4.292.649.445
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.875.436.307	4.222.292.843
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			70.356.602
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		162.477.125.733	125.135.190.969

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

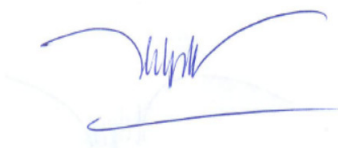
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		93.382.408.362	62.304.667.776
I. Nợ ngắn hạn	310		93.314.110.288	62.217.742.976
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	48.764.346.907	36.444.001.366
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.276.682.911	1.083.047.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.663.966.959	2.275.410.214
4. Phải trả người lao động	314		6.359.228.000	5.677.268.000
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		9.571.010.322	14.452.880.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.314.651.114	615.149.535
10. Vay và nợ tài chính ngắn hạn	320	V.14	21.800.000.000	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.564.224.075	1.669.986.261
II. Nợ dài hạn	330		68.298.074	86.924.800
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	28.000.000	86.924.800
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		40.298.074	
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		69.094.717.370	62.830.523.193
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	69.094.717.370	62.830.523.193
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		32.000.000.000	32.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.000.000.000	32.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.512.000.000	11.512.000.000
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		385.875.450	87.256.521
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.682.284.415	1.776.946.601
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (LNCPP)	421		17.723.013.028	13.016.896.913
- LNCPP lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.502.651.724	3.940.503.080
- LNCPP năm nay	421b		13.220.361.304	9.076.393.833
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.791.544.477	4.437.423.158
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		162.477.125.733	125.135.190.969

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Huỳnh Trúc Phương

Nguyễn Hoàng Vũ

Tô Khải Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	501.520.637.319	450.678.329.690
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	501.520.637.319	450.678.329.690
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	453.185.702.554	417.543.450.698
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.334.934.765	33.134.878.992
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	911.510.878	926.218.133
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	993.015.520	252.059.970
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		980.988.252	248.496.624
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên danh, liên kết.	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	333.251.000	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	30.096.552.844	21.777.404.288
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.823.626.279	12.031.632.867
12. Thu nhập khác	31	VI.8	487.361.893	309.015.578
13. Chi phí khác	32	VI.9	632.651.653	26.601.626
14. Lợi nhuận khác	40		(145.289.760)	282.413.952
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.678.336.519	12.314.046.819
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	3.993.046.537	3.113.376.852
17. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	110.654.676	(70.356.602)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.574.635.306	9.271.026.569
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		13.446.791.743	9.076.393.833
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		127.843.563	194.632.736
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.12	4.202	4.889
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	71			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Huỳnh Trúc Phương

Nguyễn Hoàng Vũ

Tô Khải Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.358.533.785	12.314.046.819
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1.433.333.372	1.231.864.300
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(183.173.065)	(18.965.838)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		2.501.810.214	(585.398.439)
- Chi phí lãi vay	06		757.398.713	248.496.624
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.867.903.019	13.190.043.466
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.473.053.990	(9.987.318.295)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(44.931.882.728)	38.899.476.985
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.983.200.425	(40.499.078.879)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.671.542.552	783.406.127
- Tiền lãi vay đã trả	14		(757.398.713)	(248.496.624)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.919.930.068)	(5.068.536.634)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			3.388.418.967
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.100.000)	(8.939.897.526)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.375.388.477	(8.481.982.413)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(25.466.097.906)	(11.712.442.116)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		249.746.666	62.852.363
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			214.260.505
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		526.091.582	529.666.212
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.690.259.658)	(10.905.663.036)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			23.541.507.299
3. Tiền thu từ đi vay	33		118.644.393.661	54.457.762.962
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(96.844.393.661)	(54.357.762.962)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.500.809.050)	(2.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		15.299.190.950	21.641.507.299
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.015.680.231)	2.253.861.850
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.139.656.508	15.846.853.828
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		119.200.108	38.940.830
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	13.243.176.385	18.139.656.508

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Trần Huỳnh Trúc Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Vũ

Tổng Giám đốc



Tô Khải Đạt

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thương Mại Phúc Thịnh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102005808 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2001.

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh đăng ký kinh doanh lần đầu tại ngày 07 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; đăng ký thay đổi lần thứ bảy vào ngày 24 tháng 10 năm 2014.

Trụ sở chính : 2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ : 32.000.000.000 VND (Ba mươi hai tỷ đồng).

Vốn pháp định : 6.000.000.000 VND (Sáu tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh Thiết Kế, Xây Dựng, Thương Mại và Kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà các loại. San lấp mặt bằng. Sửa chữa máy móc, thiết bị xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế phần điện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Tư vấn xây dựng. Xây dựng cầu đường. Sửa chữa và trang trí nội thất. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình thủy. Sửa chữa, bảo trì đồ điện. Đại lý, môi giới, đấu giá. Thi công hệ thống cơ điện, phòng cháy chữa cháy. Thi công hệ thống cấp thoát nước. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, thiết bị xây dựng. Bán buôn sắt, thép. Kinh doanh bất động sản. Sản xuất, lắp đặt khung kèo thép. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính

Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thiết kế xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng. Thị trường chủ yếu tập trung ở phía Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

6. Cấu trúc tập đoàn

Công ty con

- Tổng số các Công ty con : 01 Công ty

+ Số lượng Công ty con được hợp nhất : 01 Công ty

+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất :

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con	: Phuc Thinh (Cambodia) Corporation												
Địa chỉ	: National Way 1, BavetKangdel Village, Sangkat Bavet City, Svay Rieng Province, Cambodia.												
Ngành nghề	: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, thương mại và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, thiết bị, công cụ và dụng cụ ngành xây dựng.												
Vốn góp của công ty mẹ vào công ty con	: 6.261.000.000 đồng												
	<table><thead><tr><th></th><th><u>Số cuối năm</u></th><th><u>Số đầu năm</u></th></tr></thead><tbody><tr><td>Tỷ lệ góp vốn vào Công ty con</td><td>: 60%</td><td>60%</td></tr><tr><td>Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ</td><td>: 60%</td><td>60%</td></tr><tr><td>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</td><td>: 60%</td><td>60%</td></tr></tbody></table>		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	Tỷ lệ góp vốn vào Công ty con	: 60%	60%	Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ	: 60%	60%	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	: 60%	60%
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>											
Tỷ lệ góp vốn vào Công ty con	: 60%	60%											
Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ	: 60%	60%											
Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	: 60%	60%											

Công ty đầu tư vào công ty con theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 567/BKHĐ-ĐTRNN do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 12/11/2012 chứng nhận Công ty đầu tư ra nước ngoài để thực hiện dự án tại Campuchia với tên Phuc Thinh (Cambodia) Corporation với tổng vốn đầu tư là 500.000 USD tương đương 10.500.000.000 VND, trong đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Phuc Thinh (Cambodia) Corporation là 60% tương đương 300.000 USD.

Phuc Thinh (Campuchia) Corporation là Công ty hoạt động theo luật thương mại của Campuchia theo số đăng ký 3410 (ký tự Campuchia) được cấp bởi Bộ Thương Mại ngày 07/08/2012 và số đăng ký hoạt động kinh doanh 126 (ký tự Campuchia) được cấp bởi Bộ quản lý đất đai, quy hoạch và xây dựng đô thị ngày 27/09/2012.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Toàn Tập đoàn có 123 nhân viên (1/1/2015: 110 nhân viên)

II. Cơ sở lập báo cáo tài chính

1. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

III. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán cho các doanh nghiệp

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thông tư cũng thể hiện những thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Xem thuyết minh VII.10.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

1 Cơ sở hợp nhất

a. Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

b. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến quyền mất kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập Đoàn trong tài sản thuần của Công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại Công ty con được ghi vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

c. Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

d. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

e. Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

f. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

g. Hoạt động ở nước ngoài

Để phục vụ mục đích hợp nhất Báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Công ty tại Nước ngoài - Công ty Cổ phần Phúc Thịnh Campuchia (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá nếu có sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Công ty.

Tỷ giá chuyển đổi tại ngày 31/12/2015 của KHR là 4.049 và của đồng US Dollar là 22.440 Ngày 31/12/2014 của KHR là 4.038 và của đồng US Dollar là 21.368.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ giá hối đoái thực tế được áp dụng để quy đổi lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo được quyết định như sau:

+ Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): tỷ giá mua ngoại tệ tại ngày lập báo cáo được niêm yết bởi ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch. Tiền gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua ngoại tệ tại ngày lập báo cáo được niêm yết bởi ngân hàng thương mại nơi Công ty ký quỹ hoặc duy trì tài khoản ngân hàng.

+ Đối với các khoản phải trả tiền tệ (các khoản phải trả và các khoản vay): tỷ giá bán ngoại tệ vào ngày lập báo cáo được niêm yết bởi ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Ghi nhận các khoản đầu tư:

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính : là phần xác định giá trị tổn thất

a. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

b. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (Công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết.

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, nhà đầu tư chỉ trích lập khoản dự phòng do Công ty liên doanh, liên kết bị lỗ nếu Báo cáo tài chính không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

- Riêng khoản đầu tư mà nhà đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư (dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác).

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, được lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: Bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kén phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xoá sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07 năm

7. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng tháng vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng tháng vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn ... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

- Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;
- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

- Thặng dư vốn cổ phần

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thoả thuận của khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phần công việc đã hoàn thành được chủ đầu tư và tư vấn giám sát chấp nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. .

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo KQHĐKD

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền	5.881.038.001	11.200.723.646
+ Tiền mặt	362.604.377	995.876.755
+ VND	78.746.751	838.542.255
+ KHR	283.857.626	157.334.500
+ Tiền gửi ngân hàng	5.518.433.624	10.204.846.891
Tiền gửi VND	5.449.834.768	3.323.759.417
- VIBANK CN Thành phố	32.481.595	32.950.512
- ACB CN Tân Bình	5.412.939.262	3.290.808.905
- MB CN Sài Gòn	4.413.911	
Tiền gửi gốc ngoại tệ	68.598.856	6.881.087.474
+ USD	68.598.856	4.717.015.702
- VIBANK CN Thành phố	64.518.142	61.389.623
- ACB CN Tân Bình	4.080.714	4.655.626.079
+ KHR		2.164.071.772
- Sacom bank - Cambodia		2.164.071.772
- Canadia Bank - Cambodia		
Các khoản tương đương tiền	7.362.138.384	6.938.932.862
+ VND	5.734.608.490	6.938.932.862
- ACB - CN Tân Bình	5.734.608.490	6.938.932.862
+ KHR	1.627.529.894	
- Sacom bank - Cambodia	546.517.898	
- Canadia Bank - Cambodia	1.081.011.996	
Cộng	13.243.176.385	18.139.656.508

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Cự Thành	4.965.266.664	
Feettrend A	3.239.206.146	
Jifa S.OK Garment Co., Ltd - Giai đoạn 3	5.551.180.048	
Công ty TNHH Long Fa Việt Nam	-	8.397.900.000
Công ty TNHH Long Yi Industrial Việt Nam	-	3.545.374.140
Công ty TNHH Liên doanh Nghị Phong	-	3.967.554.600
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	1.638.764.040	2.669.698.426
Cộng	<u>15.394.416.898</u>	<u>18.580.527.166</u>
b) Phải thu khách hàng dài hạn		
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Nhôm Kiếng Hoàn Mỹ	535.546.107	
Đình Thị Thân	-	20.070.000.000
Cty TNHH Cơ khí & Xây lắp Anh Pha	-	4.455.324.966
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	4.805.157.876	4.402.657.863
Cộng	<u>5.340.703.983</u>	<u>28.927.982.829</u>
b) Trả trước cho người bán dài hạn		
c) Trả trước cho các bên liên quan		

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn		
- Tạm ứng	365.284.000	230.319.573
+ Nhân viên	365.284.000	230.319.573
- Ký cược, ký quỹ	5.619.122.358	1.907.565.048
+ Thực hiện công trình	563.000.000	1.907.565.048
+ Ký quỹ NH Sacombank (Phuc Thinh Cambodia Co., LTD)	5.056.122.358	
- Phải thu khác	494.159.173	358.569.269
+ Phải thu khác	494.159.173	358.569.269
Cộng	<u>6.478.565.531</u>	<u>2.496.453.890</u>
b) Dài hạn	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn thực hiện công trình	878.981.622	6.304.400.831
Cộng	<u>878.981.622</u>	<u>6.304.400.831</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Công cụ, dụng cụ	181.045.237		289.212.531	
- Chi phí SXKDDD	63.500.736.492		18.282.623.504	
- Hàng hóa	215.350.366			
Cộng	<u>63.897.132.095</u>	<u>-</u>	<u>18.608.199.670</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị xây dựng	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm		2.564.697.623	5.454.396.547	7.158.958.566	1.840.739.095	17.018.791.831
- Mua trong năm	20.805.777.100	1.462.179.367		213.606.570		22.481.563.037
- Tăng/giảm do quy đổi tỷ giá			40.899.458	309.679.098	87.096.608	437.675.164
- Thanh lý, nhượng bán			(414.929.455)			(414.929.455)
- Tăng/giảm khác do phân loại		6.539.275.789		(6.948.163.120)		(408.887.331)
Số dư cuối năm	20.805.777.100	10.566.152.779	5.080.366.550	734.081.114	1.927.835.703	39.114.213.246
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		991.707.257	1.786.994.175	756.335.303	184.073.995	3.719.110.730
- Khấu hao trong năm	624.173.310	250.454.715	2.194.965.006	90.148.315	192.783.442	3.352.524.788
- Tăng/giảm do quy đổi tỷ giá			17.254.675	16.432.497	8.709.494	42.396.666
- Thanh lý, nhượng bán			(401.962.926)			(401.962.926)
- Tăng/giảm khác do phân loại		1.376.384.971		(464.724.288)		911.660.683
Số dư cuối năm	624.173.310	2.618.546.943	3.597.250.930	398.191.827	385.566.931	7.623.729.941
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm		1.572.990.366	3.667.402.372	6.402.623.263	1.656.665.100	13.299.681.101
- Tại ngày cuối năm	20.181.603.790	7.947.605.836	1.483.115.620	335.889.287	1.542.268.772	31.490.483.305
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:					20.181.603.790	VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là					974.037.393	VND

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phát minh, bằng sáng chế	Phần mềm quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ			18.000.000		18.000.000
- Mua trong năm	1.508.080.000		74.733.120		1.582.813.120
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					
- Giảm khác			(18.000.000)		(18.000.000)
Số dư cuối kỳ	1.508.080.000		74.733.120		1.582.813.120
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm			18.000.000		18.000.000
- Khấu hao trong kỳ			6.227.760		6.227.760
- Giảm khác			(18.000.000)		(18.000.000)
Số dư cuối kỳ			6.227.760		6.227.760
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu kỳ					
- Tại ngày cuối kỳ	1.508.080.000		68.505.360		1.576.585.360

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn		
Cộng		
b) Dài hạn		
+ Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	459.046.827	3.855.479.011
+ Chi phí sửa chữa văn phòng	91.703.464	366.813.832
+ Tiền thuê đất trả nhiều năm	1.324.686.016	
Cộng	<u>1.875.436.307</u>	<u>4.222.292.843</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn		
Cộng		
b) Dài hạn		
Cộng		

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. Phải trả người bán**11.1. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cung cấp vật tư				
Công ty TNHH Xây dựng Lê Phan	4.340.542.500	4.340.542.500	270.947.500	270.947.500
DNTN Minh Khuê	1.464.831.479	1.464.831.479	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Phạm Quang	1.723.303.543	1.723.303.543	158.514.288	158.514.288
CTCP Thép Quang Tiến	5.328.043.476	5.328.043.476	340.909.214	340.909.214
CTCP VLXD Thế Giới Nhà	2.031.865.001	2.031.865.001	-	-
Công ty TNHH Tổng Thép Vạn Thành Đạt	1.953.810.379	1.953.810.379	-	-
Yi Rui Industrial Co., Ltd	1.975.270.000	1.975.270.000	1.975.270.000	1.975.270.000
Nhà cung cấp khác	15.711.018.502	15.711.018.502	12.450.811.898	12.450.811.898
Nhà thầu				
Cty TNHH Hưng Vĩnh Phát	856.986.233	856.986.233	-	-
DNTN Cơ khí XD TM Nghĩa Phát	848.435.787	848.435.787	3.262.477.720	3.262.477.720
Cty TNHH Cơ khí XD Phương Kha	3.643.770.046	3.643.770.046	353.966.216	353.966.216
Cty TNHH DV TM Trần Minh	1.794.467.256	1.794.467.256	-	-
Cty TNHH Nhà thép Trí Việt	1.791.746.000	1.791.746.000	3.089.610.632	3.089.610.632
Nhà cung cấp khác	5.300.256.705	5.300.256.705	14.541.493.898	14.541.493.898
Cộng	48.764.346.907	48.764.346.907	36.444.001.366	36.444.001.366

11.2. Phải trả người bán dài hạn**11.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán****11.4. Phải trả các bên liên quan**

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a) Phải nộp				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra		4.039.346.446	4.039.346.446	
- Thuế TNDN	1.788.145.372	4.121.967.922	4.732.660.343	1.177.452.951
- Thuế TNCN	487.264.842	889.403.500	890.154.334	486.514.008
- Thuế tài nguyên				
Cộng	2.275.410.214	9.050.717.868	9.662.161.123	1.663.966.959

b) Phải thu				
	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT khấu trừ	14.485.639.529	39.479.236.315	47.245.241.003	22.251.644.217
Cộng	14.485.639.529	39.479.236.315	47.245.241.003	22.251.644.217

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Phải trả khác

	Cuối năm	Số đầu năm
a) Phải trả ngắn hạn khác		
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	598.494.920	505.276.920
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	716.156.194	109.872.615
Cộng	1.314.651.114	615.149.535
b) Phải trả dài hạn khác		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	28.000.000	86.924.800
Cộng	28.000.000	86.924.800
c) Nợ quá hạn chưa thanh toán		
Cộng		

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

14. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	21.800.000.000	21.800.000.000	106.261.485.247	84.461.485.247		
- Việt Nam đồng	21.800.000.000	21.800.000.000	106.261.485.247	84.461.485.247		
+ Vay ngân hàng (*)	21.800.000.000	21.800.000.000	98.292.909.247	76.492.909.247		
+ Pháp nhân			7.968.576.000	7.968.576.000		
- Đô la Mỹ						
b. Vay dài hạn						
Cộng	21.800.000.000	21.800.000.000	106.261.485.247	84.461.485.247		

c. Các khoản nợ thuê tài chính**d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Ghi chú: (*) Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số HĐ vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất (/năm)	Số dư nợ	Hình thức đảm bảo khoản vay
TAB.DN.487.200115 ngày	Ngân hàng TMCP Á Châu	06 tháng	8%	21.800.000.000	Bất động sản
Cộng				21.800.000.000	

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	10.000.000.000	1.622.400.000	58.773.420	955.953.379	4.225.888.475	16.490.089.524	33.353.104.798
- Tăng vốn trong năm	22.000.000.000	11.512.000.000	28.483.101				33.540.483.101
- Giảm vốn trong năm (*)		(1.622.400.000)				(10.000.000.000)	(11.622.400.000)
- Lãi năm trước					194.632.736	9.076.393.833	9.271.026.569
- Chia cổ tức						(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
- Trích lập các quỹ				820.993.222		(1.641.986.444)	(820.993.222)
- Thù lao HĐQT và BKS						(530.000.000)	(530.000.000)
- Tăng/giảm khác do quy đổi tỷ giá					16.901.947	1.622.400.000	1.639.301.947
Số dư đầu năm nay	32.000.000.000	11.512.000.000	87.256.521	1.776.946.601	4.437.423.158	13.016.896.913	62.830.523.193
- Lãi trong năm					127.843.563	13.446.791.743	13.574.635.306
- Chia cổ tức						(6.400.000.000)	(6.400.000.000)
- Trích lập các quỹ				905.337.814		(1.810.675.628)	(905.337.814)
- Thù lao HĐQT và BKS						(530.000.000)	(530.000.000)
- Tăng/giảm khác do quy đổi tỷ giá			298.618.929		226.277.756		524.896.685
Số dư cuối kỳ này	32.000.000.000	11.512.000.000	385.875.450	2.682.284.415	4.791.544.477	17.723.013.028	69.094.717.370

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Năm nay</u>	<u>%</u>	<u>Đầu năm</u>
Tô Khải Đạt	7.600.000.000	23,75	7.600.000.000
Bùi Quang Huân	3.840.000.000	12,00	3.840.000.000
Hồ Thanh Đức	1.600.000.000	5,00	1.576.100.000
Trần Minh Trúc	1.600.000.000	5,00	1.600.000.000
Yang, Phei-Long	200.000.000	0,63	200.000.000
Nguyễn Hoàng Vũ	380.000.000	1,19	380.000.000
Các cổ đông khác	16.780.000.000	52,44	16.803.900.000
Cộng	<u>32.000.000.000</u>	100	<u>32.000.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	32.000.000.000	10.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong trong		22.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	32.000.000.000	32.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
+ Cổ tức được chia	6.400.000.000	2.000.000.000

Trong năm 2014, công ty đã thực hiện tăng vốn từ 10 tỷ đồng lên 32 tỷ đồng. Việc tăng vốn của công ty đã được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán theo quyết định số 4506/UBCK-QLPH ngày 07/08/2014 và quyết định số 5537/UBCL-QLPH ngày 10/10/2014.

d. Cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.200.000	3.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.200.000	3.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.200.000	3.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.200.000	3.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.200.000	3.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

e. Cổ tức**- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	20%	20%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.682.284.415	1.776.946.601
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

g. Chênh lệch đánh giá lại tài sản**h. Chênh lệch tỷ giá****i. Nguồn kinh phí****16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
16.1. Tài sản thuê ngoài		
16.2. Tài sản nhận giữ hộ		
16.3. Ngoại tệ các loại		
+ USD	3.032,58	220.751,39
+ KHR	51.218.339	468.417.960
16.4. Vàng ngoại tệ		
16.5. Nợ khó đòi đã xử lý	127.877.365	127.877.365

<u>Đối tượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Thời điểm xử lý</u>	<u>Nguyên nhân</u>
Cty TNHH Chế Biến Gỗ Khánh Phát	127.877.365	2012	Không làm việc được với khách hàng
Cộng	127.877.365		

16.6. Các thông tin khác

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng thương mại	45.504.663.812	7.054.008.582
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thiết kế giám sát	22.033.510.031	1.779.998.773
Doanh thu hợp đồng xây dựng	433.982.463.476	441.844.322.335
Cộng	<u>501.520.637.319</u>	<u>450.678.329.690</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại		
Cộng		

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng thương mại	45.504.663.812	7.054.008.582
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thiết kế giám sát	22.033.510.031	1.779.998.773
Doanh thu hợp đồng xây dựng	433.982.463.476	441.844.322.335
Cộng	<u>501.520.637.319</u>	<u>450.678.329.690</u>

4. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thương mại	31.377.511.693	5.105.730.396
Giá vốn dịch vụ cung cấp	13.708.656.344	818.402.085
Giá vốn thi công xây dựng	408.099.534.517	411.619.318.217
Cộng	<u>453.185.702.554</u>	<u>417.543.450.698</u>

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	526.091.582	529.739.374
Lãi chênh lệch tỷ giá	385.419.296	390.746.532
Lãi từ hoạt động đầu tư		5.732.227
Cộng	911.510.878	926.218.133

6. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng	981.050.832	248.496.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.964.688	3.563.346
Cộng	993.015.520	252.059.970

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
7.1 Chi phí bán hàng		
Các khoản chi phí bán hàng khác	333.251.000	
Cộng	333.251.000	

7.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí cho nhân viên	3.454.758.653	14.323.920.240
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	17.603.369.290	962.102.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.401.103.115	897.392.955
Thuế phí và lệ phí		498.358.858
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.637.321.786	4.347.330.347
Chi phí khác bằng tiền		748.299.075
Cộng	30.096.552.844	21.777.404.288

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền BH rủi ro thi công bê kính	10.000.000	
Lãi do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, CCDC	249.746.666	50.000.000
Thu nhập khác	227.614.757	259.015.578
Cộng	487.361.423	309.015.578

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	565.740.921	26.601.626
Các khoản trích khấu hao vượt định mức	64.762.500	
Chi phí khác	2.147.762	
Cộng	632.651.183	26.601.626

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.678.336.519	12.314.046.819
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	630.503.421	198.404.448
- Truy thu, phạt thuế theo Quyết định Thuế	565.740.921	
- Chi phí không hợp lệ	-	198.404.448
- Khấu hao TSCĐ vượt quy định	64.762.500	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	183.173.065	18.965.838
- Chênh lệch tạm thời - chênh lệch tỷ giá	183.173.065	
- Thu nhập không chịu thuế		18.965.838
Thu nhập chịu thuế	18.125.666.875	12.493.485.429
Chuyển lỗ	-	
Thu nhập Ảnh hưởng bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	-	319.802.735
Thu nhập chịu thuế	18.125.666.875	12.813.288.164
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	3.993.046.537	3.113.376.852
<i>Thuế TNDN Công ty CP TK XD TM Phúc Thịnh</i>	<i>3.805.776.812</i>	<i>2.596.424.461</i>
<i>Thuế TNDN tính Công ty CP Phúc Thịnh Campuchia</i>	<i>187.269.725</i>	<i>516.952.391</i>
Thuế thu nhập hoãn lại	110.654.676	(70.356.602)
Cộng thuế thu nhập doanh nghiệp	4.103.701.213	3.043.020.250

11. Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế (chênh lệch tỷ giá).	40.000.000	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	70.654.676	
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	110.654.676	

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	13.446.791.743	9.076.393.833
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		905.337.814
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.200.000	1.671.429
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (*)	4.202	4.889

(*) Hồi tố chỉ tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa	211.758.883.673	174.434.486.601
Chi phí nhân công	76.323.926.839	72.045.194.408
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.302.964.037	862.856.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.456.719.489	159.386.896.591
Chi phí khác bằng tiền	609.548.919	1.369.213.915
Cộng	498.452.042.957	408.098.648.139

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Áp dụng quy định kế toán mới**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.5 đến VII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Giao dịch với các bên liên quan**a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

+ Thu nhập của các thành viên chủ chốt	: 3.123.211.000 VND
+ Giao dịch liên quan đến cổ phiếu	: Không phát sinh.

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tô Khải Đạt	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Minh Trúc	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Kế toán trưởng
Ông Trần Ngọc Tú	Thành viên Ban kiểm soát

i. Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay
Ông Tô Khải Đạt	+ Cho Công ty mượn tiền bổ sung vốn lưu động	12.382.908.414
	+ Công ty hoàn trả trả tiền mượn	12.382.908.414
Ông Trần Minh Trúc	+ Công ty chi tạm ứng	33.224.800
	+ Hoàn trả tạm ứng cho Công ty	33.224.800
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	+ Hoàn trả tạm ứng cho Công ty	10.000.000
Ông Trần Ngọc Tú	+ Công ty chi tạm ứng	50.000.000
	+ Hoàn trả tạm ứng cho Công ty	20.000.000

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các Bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Trần Ngọc Tú	Tạm ứng	71.000.000	35.600.000

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng tại số 2 Cộng Hòa, Quận Tân Bình Tp.Hồ Chí Minh.

4. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

a. Khu vực địa lý

Công ty có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động chủ yếu tại các tỉnh phía Nam Việt Nam và hoạt động ở thị trường Campuchia thông qua đầu tư dưới hình thức Công ty con.

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu tại Việt Nam	477.922.421.665	397.972.490.230
Doanh thu tại Campuchia	23.598.215.654	52.705.839.460
Cộng	501.520.637.319	450.678.329.690

b. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung vào lĩnh vực thi công, xây lắp, cung cấp các dịch vụ thiết kế, giám sát, dịch vụ khác và thương mại. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh như sau:

- + Bộ phận thi công xây lắp : Xây dựng nhà các loại
- + Bộ phận dịch vụ : Cung cấp các dịch vụ thiết kế, giám sát công trình và dịch vụ khác
- + Bộ phận thương mại : Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điện, vật liệu điện.

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thi công xây dựng	433.982.463.476	390.149.072.934
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.713.954.091	810.968.503
Doanh thu thương mại	65.824.219.752	59.718.288.253
Cộng	501.520.637.319	450.678.329.690

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và tương đương tiền	13.243.176.385		18.139.656.508		13.243.176.385	18.139.656.508
Phải thu khách hàng	15.394.416.898		15.394.416.898		15.394.416.898	15.394.416.898
Các khoản phải thu khác	6.478.565.531		2.496.453.890		6.478.565.531	2.496.453.890
Cộng	35.116.158.814	-	36.030.527.296	-	35.116.158.814	36.030.527.296
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	21.800.000.000		-		21.800.000.000	-
Phải trả cho người bán	48.764.346.907		36.444.001.366		48.764.346.907	36.444.001.366
Phải trả người lao động	6.359.228.000		5.677.268.000		6.359.228.000	5.677.268.000
Các khoản phải trả khác	10.913.661.436		15.154.954.335		10.913.661.436	15.154.954.335
Cộng	87.837.236.343	-	57.276.223.701	-	87.837.236.343	57.276.223.701

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

6. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

	Bất kỳ thời điểm nào	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số đầu năm					
Vay và nợ		-			-
Phải trả cho người bán		36.444.001.366			36.444.001.366
Phải trả người lao động		5.677.268.000			5.677.268.000
Chi phí phải trả		-			-
Các khoản phải trả khác		15.068.029.535	86.924.800		15.154.954.335
Cộng	-	57.189.298.901	86.924.800	-	57.276.223.701
Số cuối năm					
Vay và nợ		21.800.000.000	-		21.800.000.000
Phải trả cho người bán		48.764.346.907			48.764.346.907
Phải trả người lao động		6.359.228.000			6.359.228.000
Chi phí phải trả		-			-
Các khoản phải trả khác		10.913.661.436			10.913.661.436
Cộng	-	87.837.236.343	-	-	87.837.236.343

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp: Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

9. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nhất.

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Trong năm có sự thay đổi trong việc trình bày số dư đầu kỳ chuyển sang có thay đổi do nguyên nhân sau:

1. Một số khoản mục được trình bày lại trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2015 cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

Tên Tài khoản	Mã số TT200/QĐ15	Theo Thông ty 200/2014/TT- BTC	Theo Quyết định 15/2016/QĐ-BTC	Chênh lệch
Phải thu ngắn hạn khác	135/136	2.496.453.890	358.569.269	2.137.884.621
Tài sản ngắn hạn khác	155/158	-	2.137.884.621	(2.137.884.621)
Phải thu dài hạn khác	216/218	6.304.400.831		6.304.400.831
Tài sản dài hạn khác	216/268		6.304.400.831	(6.304.400.831)
Quỹ đầu tư phát triển	418/417	1.776.946.601		1.776.946.601
Quỹ dự phòng tài chính	Không có/418		1.776.946.601	(1.776.946.601)

2. Một số khoản mục được trình bày lại trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014 do điều chỉnh các khoản mục thay đổi của năm trước làm ảnh hưởng số dư đầu kỳ chuyển sang tại ngày 01/01/2015 trên báo cáo tài chính như sau :

Điều chỉnh giảm khoản mục " Thặng dư vốn cổ phần" là lãi tiền gửi của các cổ đông góp vốn mua cổ phần , tăng khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" do hạch toán tăng lãi tiền gửi số tiền 29.507.299 đồng.

Điều chỉnh giảm khoản mục " Lợi nhuận chưa phân phối" tăng khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp" do hạch toán tăng thuế phải nộp của khoản lãi tiền gửi ngân hàng tương ứng số tiền 6.491.606 đồng.

Các thay đổi được trình bày như sau:**2.1. Ảnh hưởng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2015**

Khoản mục	Số dư tại ngày 01/01/2015 chưa điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số dư tại ngày 01/01/2015 đã chỉnh	MS
1. Thuế và khoản phải nộp	2.268.918.608	2.175.698	2.271.094.306	313
2. Thặng dư vốn cổ phần	11.541.507.299	(29.507.299)	11.512.000.000	412
3. Lợi nhuận chưa phân phối	12.935.449.140	23.015.693	12.958.464.833	421

2.2 Ảnh hưởng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2014

Khoản mục	Mã số TT200/QĐ15	Số sau điều chỉnh	Số chưa điều chỉnh	Chênh lệch
1. Doanh thu hoạt động tài chính	21/21	926.218.133	896.710.834	29.507.299
2. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51/51	3.113.376.852	3.106.885.246	6.491.606
3. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ chưa phân phối	61/61	9.076.393.833	9.053.378.140	23.015.693
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70/70	4.889	5.417	(528)

CÔNG TY CP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH & CÔNG TY CON

2 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2.3 Ảnh hưởng trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2014

Khoản mục	Mã số TT200/QĐ15	Số sau điều chỉnh	Số chưa điều chỉnh	Chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	01/01	12.314.046.819	12.284.539.520	29.507.299
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05/05	(585.398.439)	(55.732.227)	(529.666.212)
Tăng giảm các khoản phải thu	09/09	(9.987.318.295)	(9.957.810.996)	(29.507.299)
Thu tiền từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27/27	529.666.212	-	529.666.212

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu**Trần Huỳnh Trúc Phương****Kế toán trưởng****Nguyễn Hoàng Vũ****Tổng Giám đốc****Tô Khải Đạt**

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (Mã chứng khoán PTD) về kế hoạch kinh doanh và các hoạt động quản trị của Công ty trong năm 2015. Xin kính gửi đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng khoán TP.HCM và các Quý cổ đông, Nhà đầu tư.

Kính mời Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng khoán TP.HCM và các Quý cổ đông, Nhà đầu tư đến trang web của PTD www.phucthinh.com.vn để tham khảo toàn văn Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 và Báo cáo tài chính riêng năm 2015.

Mọi chi tiết và thắc mắc xin liên hệ:

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh

Địa chỉ: 2 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình

Điện thoại: 08 3811 6823

Fax: 08 3811 6843

Website: www.phucthinh.com.vn

Email: phucthinh@phucthinh.com.vn

Trân trọng!

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC

TÔ KHAI ĐẠT



TÔ KHAI ĐẠT